



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MỸ PHẨM SÀI GÒN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MỸ PHẨM SÀI GÒN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	15 - 37
8. Phụ lục	38

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần mỹ phẩm Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300767984, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 01 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 80.630.390.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (84 - 8) 37 421 104

Fax : (84 - 8) 37 421 100

Mã số thuế : 0300767984

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, chi tiết: kinh doanh các loại mỹ phẩm, xuất, nhập khẩu trực tiếp mỹ phẩm; xuất, nhập khẩu kinh doanh hàng phục vụ sản xuất, hàng tiêu dùng;
- Bán buôn chuyên doanh khác, chi tiết: kinh doanh các loại chất tẩy rửa; nguyên vật liệu phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh ngành hóa mỹ phẩm; mua bán hóa chất chế phẩm diệt khuẩn, diệt côn trùng (không sản xuất tại trụ sở trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: kinh doanh các loại máy móc thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh ngành hóa mỹ phẩm;
- Cắt, làm đầu, gội đầu, chi tiết: thực hiện các dịch vụ thẩm mỹ (trang điểm, dịch vụ làm tóc phụ nữ: uốn, cắt, chải, bới tóc, gội đầu); massage mặt (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: xuất nhập khẩu kinh doanh lương thực;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: xuất nhập khẩu kinh doanh lương thực;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác, chi tiết: dịch vụ thương mại;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh, chi tiết: sản xuất các loại nước hoa, xà bông, dầu gội đầu, dầu xả tóc, các chất tẩy trắng, tẩy rửa, đánh bóng, chất mài mòn, son môi, sơn móng tay, nước xức tóc, sữa tắm, chất khử mùi, kem dưỡng da, keo mousse, kem cạo râu, keo xịt tóc, sáp chải tóc, phấn trang điểm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê, chi tiết: dịch vụ cho thuê mặt bằng; kinh doanh nhà ở; cho thuê nhà ở, kho bãi đỗ xe, cho thuê văn phòng;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao, chi tiết: dịch vụ thể dục thẩm mỹ, thể dục thể hình;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự, chi tiết: dịch vụ xông hơi, xoa bóp (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác, chi tiết: dịch vụ vui chơi giải trí trẻ em (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí, chi tiết: tổ chức biểu diễn thời trang (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn hàng vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: mua bán quần áo, vải sợi, giày dép;
- Bán buôn kim loại, quặng kim loại, chi tiết: mua bán vàng bạc, đá quý, nữ trang;
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: mua bán nước giải khát;

- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: mua bán đồ chơi trẻ em (trừ các loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh, trật tự và an toàn xã hội);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động, chi tiết: nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở);
- Quảng cáo, chi tiết: dịch vụ quảng cáo;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, chi tiết: Dịch vụ giữ xe gắn máy;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác: chi tiết sản xuất vải sợi;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú), chi tiết: sản xuất quần áo, sản xuất trang phục lót nam nữ, rèm cửa;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm, chi tiết sản xuất túi xách, dây nịt;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), chi tiết: sản xuất khăn các loại, tấm trải bàn, tấm phủ giường, cà vạt, tất;
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc, chi tiết: sản xuất hàng thêu;
- Sản xuất giày dép;
- Sản xuất đồng hồ;
- Sản xuất thảm, chăn đệm, chi tiết sản xuất thảm trang trí;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh, chi tiết: sản xuất rượu;
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia, chi tiết sản xuất bia;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, chi tiết sản xuất nước giải khát;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác, chi tiết: sản xuất bút, viết (chì, bi, mực, lông);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, chi tiết: môi giới bất động sản;
- Sản xuất các sản phẩm hóa chất khác, chi tiết: sản xuất hóa chất chế phẩm diệt khuẩn, diệt côn trùng (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý, chi tiết sản xuất hàng trang sức.

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh số I	Số 3C, đường 3/2, phường 11, quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh số II	Số 101 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh số III	Số 54 - 56 Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh số IV	Số 59 Trần Tuấn Khải, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh tại Long An	Số 1, đường Mai Thị Tốt, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam
Chi nhánh tại Cần Thơ	Số 124, đường Hai Bà Trưng, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh tại Biên Hòa	Đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh tại Phan Thiết	Số 1A, đường Nguyễn Tất Thành, phường Bình Hưng, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
Chi nhánh tại Tiền Giang	Số 35 đường Ấp Bắc, phường 5, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Chi nhánh tại Hà Nội	Số 14, đường Trung Yên 3, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam
Xưởng II	Số 59 Trần Tuấn Khải, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Xưởng III	Số 762 B đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 27, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Xưởng IV	Số 208 Cô Bắc, phường Cô Giang, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 38).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 10/HĐQT/2013 ngày 17 tháng 6 năm 2013 như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính	554.088.865 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	221.635.545 VND
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	554.088.865 VND
- Chia cổ tức năm đợt 2 năm 2012 (200 VND/cổ phiếu)	1.612.607.800 VND
Cộng	2.942.421.075 VND

Ngoài ra, căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 17 tháng 6 năm 2013, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2013 với số tiền là 4.031.519.500 VND (500 VND/cổ phiếu).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Kim Thoa	Chủ tịch	28 tháng 01 năm 2000	-
Ông Lê Duy Cường	Thành viên	28 tháng 01 năm 2000	-
Ông Nguyễn Hồng Tâm	Thành viên	28 tháng 01 năm 2000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên	16 tháng 9 năm 2006	-
Bà Trần Phương Ivy	Thành viên	16 tháng 9 năm 2006	-
Ông Trịnh Quang	Thành viên	28 tháng 01 năm 2000	-
Bà Lý Nguyễn Lan Phương	Thành viên	08 tháng 12 năm 2009	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Nam Việt	Trưởng Ban	16 tháng 9 năm 2006	-
Ông Lê Quang Dũng	Thành viên	16 tháng 9 năm 2006	-
Bà Hà Như Linh	Thành viên	16 tháng 9 năm 2006	-

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lý Nguyễn Lan Phương	20 tháng 6 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phân đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần mỹ phẩm Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



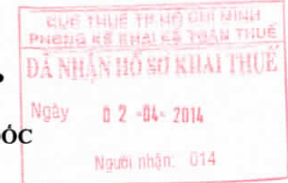
Lý Nguyễn Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 4 năm 2014

Số: 0437/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN



Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần mỹ phẩm Sài Gòn, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2014, từ trang 08 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần mỹ phẩm Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2014

Bùi Thị Ngọc Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1491-2013-008-1

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		96.460.509.644	91.824.636.172
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	14.781.070.186	24.108.470.150
1.	Tiền	111		6.919.794.658	6.121.337.643
2.	Các khoản tương đương tiền	112		7.861.275.528	17.987.132.507
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		12.838.128.433	3.694.842.526
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	14.581.504.888	5.458.716.572
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(1.743.376.455)	(1.763.874.046)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		23.371.021.620	14.422.708.885
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	20.680.996.680	12.114.441.677
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	2.909.623.389	2.359.585.693
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	423.081.105	336.638.392
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(642.679.554)	(387.956.877)
IV. Hàng tồn kho		140		43.669.126.827	46.958.668.364
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	46.442.787.442	48.474.548.991
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(2.773.660.615)	(1.515.880.627)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		1.801.162.578	2.639.946.247
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		189.416.257	170.262.566
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		137.920.466	1.497.782.590
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	1.473.825.855	971.901.091

30C
CỔ
H N
TOA
A

198
G T
H
A T
C

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		80.956.593.658	84.387.206.913
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		49.072.208.770	51.441.326.128
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	20.579.086.202	22.079.603.919
<i>Nguyên giá</i>	222		44.364.915.644	45.832.442.137
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(23.785.829.442)	(23.752.838.218)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	28.396.233.523	28.686.699.093
<i>Nguyên giá</i>	228		29.587.001.854	29.584.426.854
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.190.768.331)	(897.727.761)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	96.889.045	675.023.116
III. Bất động sản đầu tư	240	V.14	-	1.324.422.262
<i>Nguyên giá</i>	241		-	1.391.137.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	(66.714.738)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		30.000.000.000	30.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	30.000.000.000	30.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.884.384.888	1.621.458.523
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	1.881.384.888	1.573.138.523
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.000.000	48.320.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		177.417.103.302	176.211.843.085

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		39.003.397.890	42.315.991.422
I. Nợ ngắn hạn	310		38.697.937.890	41.854.081.422
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.17	13.504.700.365	17.083.041.393
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	2.004.831.434	2.405.238.838
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	1.378.749.028	3.518.195.993
5. Phải trả người lao động	315	V.20	5.829.511.900	5.440.540.677
6. Chi phí phải trả	316	V.21	3.443.683.417	3.078.740.064
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	11.904.271.568	9.275.917.744
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	632.190.178	1.052.406.713
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		305.460.000	461.910.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.24	305.460.000	461.910.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		138.413.705.412	133.895.851.663
I. Vốn chủ sở hữu	410		138.413.705.412	133.895.851.663
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	80.630.390.000	80.630.390.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	24.544.846.942	24.544.846.942
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	6.107.934.508	5.886.298.963
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	5.551.524.613	4.997.435.748
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	21.579.009.349	17.836.880.010
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		177.417.103.302	176.211.843.085

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		-	-
Dollar Mỹ (USD)		89.852,99	127.098,96
Euro (EUR)		101,41	100,46
Yên Nhật (¥)		-	50.000,00
Bảng Anh (£)		3,61	3,61
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Trần Ngọc Cẩm
Trần Ngọc Cẩm
Kế toán trưởng

Lý Nguyễn Lan Phương
Lý Nguyễn Lan Phương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	187.337.384.492	183.235.448.812
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	7.327.649.371	1.988.752.622
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	180.009.735.121	181.246.696.190
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	103.503.581.806	104.932.596.973
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		76.506.153.315	76.314.099.217
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.581.507.295	3.036.713.176
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	476.450.634	(286.697.404)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		80.940.406	84.593.518
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	48.002.009.745	49.872.849.279
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	16.401.007.472	17.533.010.010
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.208.192.759	12.231.650.508
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.273.916.994	834.965.111
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.273.849.590	65.841.974
13. Lợi nhuận khác	40		67.404	769.123.137
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.208.260.163	13.000.773.645
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	3.492.190.249	1.918.996.354
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>10.716.069.914</u>	<u>11.081.777.291</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.329</u>	<u>1.374</u>



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Trần Ngọc Cẩm
Trần Ngọc Cẩm
Kế toán trưởng

Lý Nguyễn Lan Phương
Lý Nguyễn Lan Phương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.208.260.163	13.000.773.645
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12, V.14	2.914.239.003	2.498.134.706
- Các khoản dự phòng	03	V.3, V.7, V.9	1.492.005.074	(1.860.984.132)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(38.138.509)	(55.892.311)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.537.494.241)	(2.852.203.973)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	80.940.406	84.593.518
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.119.811.896	10.814.421.453
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.318.442.877)	11.327.738.912
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.031.761.549	(10.384.356.178)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(932.307.452)	2.812.462.070
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		129.456.643	418.348.253
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(80.940.406)	(84.593.518)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(5.237.235.194)	(2.578.007.542)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		20.000.000	256.200.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.122.185.400)	(1.141.303.794)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.390.081.241)	11.440.909.656
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13	(1.795.061.009)	(5.408.442.816)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7, V.6	1.277.436.364	236.663.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	2.321.235.598	2.468.039.268
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.803.610.953	(2.703.739.912)

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.600.000.000	3.511.668.085
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.600.000.000)	(3.511.668.085)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	(5.740.801.900)	(7.994.173.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.740.801.900)	(7.994.173.100)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(9.327.272.188)	742.996.644
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	24.108.470.150	23.309.581.195
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(127.776)	55.892.311
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	14.781.070.186	24.108.470.150

(Handwritten signature)
Trần Ngọc Cẩm
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2014

(Handwritten signature)
Lý Nguyễn Lan Phương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh các loại mỹ phẩm, nước hoa, sữa tắm, dầu gội đầu, son phấn, xà bông, chất tẩy rửa; Xuất nhập mỹ phẩm, nhập các nguyên vật liệu phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh hóa mỹ phẩm; Kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 507 nhân viên đang làm việc, trong đó nhân viên chính thức là 216 người, thời vụ và thử việc là 293 người (cuối năm trước là 392 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.
- Hàng tồn kho**
Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.
- Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**
Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.
- Tài sản cố định hữu hình**
Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo

Chi phí phát sinh liên quan đến các hợp đồng quảng cáo và khuyến mãi được phân bổ theo thời hạn qui định trên hợp đồng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí thuê ngoài để sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng trong năm của Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Bổ sung vốn điều lệ, mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	02%	10%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	05%	-
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	05%	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012: 20.815 VND/USD
31/12/2013: 21.079 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**23. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	86.944.488	324.464.591
Tiền gửi ngân hàng	6.832.850.170	5.796.873.052
Các khoản tương đương tiền (*)	7.861.275.528	17.987.132.507
Cộng	14.781.070.186	24.108.470.150

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	2.321.504.888		2.667.036.046	
- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	35	1.302.862	35	1.302.862
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Á	24.670	785.462.000	24.670	785.462.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội	3	30.026	3	30.026
- Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông	37.277	968.590.000	37.277	968.590.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á	33.345	566.120.000	33.345	566.120.000
- Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - sông Hinh	-	-	11.700	280.093.973
- Công ty cổ phần Hữu Liên Á Châu	-	-	14.190	65.437.185
Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 01 năm(*)		12.260.000.000		2.791.680.526
Cộng		14.581.504.888		5.458.716.572

(*) Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng có giá trị 1.950.000.000 VND đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Đông Sài Gòn.

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

Cổ phiếu Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - sông Hinh và Công ty cổ phần Hữu Liên Á Châu giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	1.763.874.046
Hoàn nhập dự phòng	(20.497.591)
Số cuối năm	1.743.376.455

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	10.716.554.236	2.307.291.640
Các khách hàng nước ngoài	9.964.442.444	9.807.150.037
Cộng	20.680.996.680	12.114.441.677

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	2.659.461.093	-
Các nhà cung cấp nước ngoài	250.162.296	2.359.585.693
Cộng	2.909.623.389	2.359.585.693

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	152.773.320	266.001.114
Phải thu tiền bán căn hộ Thủ Thiêm	169.555.000	-
Các khoản phải thu khác	100.752.785	70.637.278
Cộng	423.081.105	336.638.392

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	158.059.341	129.252.575
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	152.702.203	17.900.656
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	331.918.010	240.803.646
Cộng	642.679.554	387.956.877

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	387.956.877
Trích lập dự phòng bổ sung	254.722.677
Số cuối năm	642.679.554

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	-	781.659.743
Nguyên liệu, vật liệu	28.604.965.593	30.170.309.801
Công cụ, dụng cụ	528.860.364	721.750.634
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.396.953.043	2.610.833.875
Thành phẩm	14.081.666.362	13.485.178.039
Hàng hóa	830.342.080	704.816.899
Cộng	46.442.787.442	48.474.548.991

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá nguyên liệu, vật liệu quá hạn sử dụng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	1.515.880.627
Trích dự phòng trong năm	1.257.779.988
Số cuối năm	2.773.660.615

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	991.814.755	499.959.991
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	482.011.100	471.941.100
Cộng	1.473.825.855	971.901.091

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	25.337.913.875	12.690.259.441	6.417.292.363	1.386.976.458	45.832.442.137
Mua sắm mới	236.590.000	354.500.000	617.185.455	-	1.208.275.455
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	632.469.911	-	-	-	632.469.911
Thanh lý, nhượng bán	(473.164.500)	-	(430.673.182)	-	(903.837.682)
Kết chuyển công cụ, dụng cụ	(151.972.900)	(1.354.894.673)	(145.512.743)	(752.053.861)	(2.404.434.177)
Số cuối năm	25.581.836.386	11.689.864.768	6.458.291.893	634.922.597	44.364.915.644
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.254.021.675	8.681.437.227	1.343.097.347	443.682.577	11.722.238.826
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	9.401.455.767	11.205.437.588	1.963.421.739	1.182.523.124	23.752.838.218
Khấu hao trong năm	1.352.393.301	639.600.323	500.913.708	63.327.053	2.556.234.385
Thanh lý, nhượng bán	(291.330.541)	-	(256.011.267)	-	(547.341.808)
Kết chuyển công cụ, dụng cụ	(99.082.635)	(1.031.845.991)	(135.302.398)	(709.670.329)	(1.975.901.353)
Số cuối năm	10.363.435.892	10.813.191.920	2.073.021.782	536.179.848	23.785.829.442
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	15.936.458.108	1.484.821.853	4.453.870.624	204.453.334	22.079.603.919
Số cuối năm	15.218.400.494	876.672.848	4.385.270.111	98.742.749	20.579.086.202
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	29.540.501.854	43.925.000	29.584.426.854
Mua sắm mới	-	46.500.000	46.500.000
Giảm khác	-	(43.925.000)	(43.925.000)
Số cuối năm	29.540.501.854	46.500.000	29.587.001.854
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	889.787.895	7.939.866	897.727.761
Khấu hao trong năm	296.330.436	12.311.259	308.641.695
Giảm khác	-	(15.601.125)	(15.601.125)
Số cuối năm	1.186.118.331	4.650.000	1.190.768.331
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	28.650.713.959	35.985.134	28.686.699.093
Số cuối năm	28.354.383.523	41.850.000	28.396.233.523

Quyền sử dụng đất tại 208 Cô Bắc, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh có nguyên giá 8.297.766.500 VND bao gồm giá trị nhà và giá trị quyền sử dụng đất. Công ty chưa xác định được phần giá trị nhà để tách ra ghi nhận ở tài sản cố định hữu hình.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
XDCB dở dang	675.023.116	443.396.509	(632.469.911)	(485.949.714)	-
Chi phí cho dự án 208 Cô Bắc	485.949.714	-	-	(485.949.714)	-
Chi phí dự án CGMP	189.073.402	136.877.567	(325.950.969)	-	-
Dự án 59 Trần Tuấn Khải	-	306.518.942	(306.518.942)	-	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	96.889.045	-	-	96.889.045
Cộng	675.023.116	540.285.554	(632.469.911)	(485.949.714)	96.889.045

14. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.391.137.000	66.714.738	1.324.422.262
Phát sinh trong năm	-	49.362.923	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.391.137.000)	(116.077.661)	-
Cộng	-	-	-

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH địa ốc sông Sài Gòn Thanh Đa.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102056760 ngày 12 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH địa ốc sông Sài Gòn Thanh Đa 30.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	819.484.109	1.637.743.200	(1.055.856.458)	1.401.370.851
Chi phí quảng cáo	553.424.220	4.998.790.264	(5.286.439.698)	265.774.786
Chi phí sửa chữa	200.230.194	209.864.656	(195.855.599)	214.239.251
Cộng	1.573.138.523	6.846.398.120	(6.538.151.755)	1.881.384.888

17. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	9.554.222.974	6.186.015.239
Các nhà cung cấp nước ngoài	3.950.477.391	10.897.026.154
Cộng	13.504.700.365	17.083.041.393

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	901.512.398	432.252.967
Các khách hàng nước ngoài	1.103.319.036	1.972.985.871
Cộng	2.004.831.434	2.405.238.838

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	1.607.999.668	(1.607.999.668)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	284.693.379	3.034.063.548	(3.318.756.927)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	276.689.283	2.309.940.723	(2.586.630.006)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.770.973.242	3.492.190.249	(5.237.235.194)	1.025.928.297
Thuế thu nhập cá nhân	185.840.089	1.203.268.722	(1.041.953.447)	347.155.364
Các loại thuế khác	-	44.759.387	(39.094.020)	5.665.367
Cộng	3.518.195.993	11.692.222.297	(13.831.669.262)	1.378.749.028

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.208.260.163	13.000.773.645
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.023.864.371	2.209.691.429
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.022.947.446)	(1.484.036.831)

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập tính thuế	12.209.177.088	13.726.428.243
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.052.294.272	3.431.607.061
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 140/2012/TT-BTC</i>	-	(770.041.217)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	439.895.977	(742.569.490)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.492.190.249	1.918.996.354

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 phải trả nhân viên.

21. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả cho các chương trình khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng.

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Kinh phí công đoàn	895.454.697	648.550.756
Nhận ký quỹ mua hàng	251.300.000	251.300.000
Cổ tức phải trả	305.696.379	402.370.979
Phải trả nhà nước tiền bán cổ phần trả chậm	475.450.000	475.450.000
Tiền mượn các cá nhân	9.763.238.785	6.858.264.984
Các khoản khác	213.131.707	639.981.025
Cộng	11.904.271.568	9.275.917.744

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Số cuối năm
Số đầu năm	1.052.406.713	
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	554.088.865	
Chi quỹ trong năm	(974.305.400)	
Số cuối năm	632.190.178	

24. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

25. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 38.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

	Năm nay
Cổ tức năm trước	2.014.978.779
Tạm ứng cổ tức năm nay	3.725.823.121
Cộng	5.740.801.900

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.063.039	8.063.039
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.063.039	8.063.039
- Cổ phiếu phổ thông	8.063.039	8.063.039
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.063.039	8.063.039
- Cổ phiếu phổ thông	8.063.039	8.063.039
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	187.337.384.492	183.235.448.812
- Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	3.965.275.903	737.648.862
- Doanh thu bán thành phẩm	181.519.204.589	179.788.064.363
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.852.904.000	2.709.735.587
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(7.327.649.371)	(1.988.752.622)
- Hàng bán bị trả lại	(7.327.649.371)	(1.988.752.622)
Doanh thu thuần	180.009.735.121	181.246.696.190
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa, vật tư	3.889.924.345	818.119.190
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	174.266.906.776	177.718.841.413
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.852.904.000	2.709.735.587

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, vật tư đã tiêu thụ	790.188.530	1.048.018.318
Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ (*)	101.455.613.288	103.977.992.030
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.257.779.988	(93.413.375)
Cộng	103.503.581.806	104.932.596.973

(*) Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	92.383.632.217	99.913.826.933
Chi nhân công trực tiếp	5.280.547.334	4.968.092.424
Chi phí sản xuất chung	9.719.212.887	9.322.511.838
Tổng chi phí sản xuất	107.383.392.438	114.204.431.195
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	213.880.832	(369.431.426)
Tổng giá thành sản xuất	107.597.273.270	113.834.999.769
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(596.488.323)	(4.289.608.732)
Thành phẩm xuất khuyến mãi, hàng mẫu	(5.545.171.659)	(5.567.399.007)
Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ	101.455.613.288	103.977.992.030

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	30.282.689	39.446.184
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.318.586.893	2.480.168.564
Cổ tức, lợi nhuận được chia	889.420.911	135.371.773
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	38.138.509	55.892.311
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	225.180.475	164.550.289
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	79.897.818	161.284.055
Cộng	2.581.507.295	3.036.713.176

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	80.940.406	84.593.518
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	133.771.360	185.214.926
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	282.236.459	1.057.070.732
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(20.497.591)	(1.613.576.580)
Cộng	476.450.634	(286.697.404)

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	23.105.613.100	18.939.801.219
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	10.606.455	51.964.104
Chi phí khấu hao tài sản cố định	201.637.831	297.351.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.457.511.393	13.034.513.810
Chi phí khác	16.226.640.966	17.549.218.802
Cộng	48.002.009.745	49.872.849.279

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	8.492.554.310	8.557.657.067
Chi phí đồ dùng văn phòng	570.932.990	105.496.547
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.198.775.753	754.124.117
Thuế, phí và lệ phí	26.454.020	2.000.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	248.998.916	(148.270.416)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.512.292.497	6.368.297.170
Chi phí khác	1.350.998.986	1.893.705.525
Cộng	16.401.007.472	17.533.010.010

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.446.991.364	236.663.636
Thu thanh lý phế liệu	191.484.198	478.947.671
Thu nhập khác	635.441.432	119.353.804
Cộng	2.273.916.994	834.965.111

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.631.555.213	-
Nộp phạt thuế, vi phạm hành chính	595.867.907	37.163.085
Chi phí khác	46.426.470	28.678.889
Cộng	2.273.849.590	65.841.974

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.716.069.914	11.081.777.291
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.716.069.914	11.081.777.291
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.063.039	8.063.039
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.329	1.374

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	93.673.650.559	104.593.432.729
Chi phí nhân công	42.173.818.002	33.700.801.519
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.914.239.003	2.498.134.706
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.024.374.642	21.287.869.812
Chi phí khác	18.000.327.449	19.530.051.718
Cộng	171.786.409.655	181.610.290.484

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong năm, Công ty mượn tiền thành viên Hội đồng quản trị số tiền là 1.277.863.900 VND (số năm trước là 1.247.451.000 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ tiền mượn phải thanh toán cho và thành viên Hội đồng quản trị là 43.393.700 VND (số năm trước là 1.321.760.900 VND).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.308.566.674	3.200.262.915
Tiền thưởng và phụ cấp khác	791.396.110	372.320.000
Cộng	4.099.962.784	3.572.582.915

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực xuất khẩu	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	127.145.850.445	52.863.884.676	-	180.009.735.121
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	127.145.850.445	52.863.884.676	-	180.009.735.121
Chi phí bộ phận	110.388.114.164	41.117.477.387	-	151.505.591.551
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	16.757.736.281	11.746.407.289	-	28.504.143.570
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				16.401.007.472
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				12.103.136.098
Doanh thu hoạt động tài chính				2.581.507.295
Chi phí tài chính				476.450.634
Thu nhập khác				2.273.916.994
Chi phí khác				2.273.849.590
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3.492.190.249)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				10.716.069.914
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	126.802.399.631	54.444.296.559	-	181.246.696.190
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	126.802.399.631	54.444.296.559	-	181.246.696.190
Chi phí bộ phận	109.780.910.515	45.024.535.737	-	154.805.446.252
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	17.021.489.116	9.419.760.822	-	26.441.249.938
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				17.533.010.010
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				8.908.239.928
Doanh thu hoạt động tài chính				3.036.713.176
Chi phí tài chính				(286.697.404)
Thu nhập khác				834.965.111
Chi phí khác				65.841.974

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.918.996.354
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.081.777.291

3. Các sai sót

Trong năm, Công ty điều chỉnh sai sót do hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu năm trước chưa phù hợp với việc xuất hóa đơn số tiền là 11.572.320.336 VND. Việc điều chỉnh này không ảnh hưởng đến chỉ tiêu “Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ” và “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế”.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót trên đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước		Số liệu sau điều chỉnh
		Các điều chỉnh	Các điều chỉnh	Các điều chỉnh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	194.807.769.148	(11.572.320.336)	183.235.448.812
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	13.561.072.958	(11.572.320.336)	1.988.752.622

4. Quản lý rủi ro tài chính**Tổng quan**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Đối với các khách hàng giao dịch lần đầu hay không thường xuyên thì phải thanh toán trước theo hợp đồng cho các đại lý. Ngoài ra, nhân viên phòng kinh doanh thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Tiền gửi ngân hàng**

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.781.070.186	-	-	-	14.781.070.186
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.260.000.000	-	-	-	12.260.000.000
Phải thu khách hàng	19.815.371.127	-	-	865.625.553	20.680.996.680
Các khoản phải thu khác	882.640.608	-	-	-	882.640.608
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	2.321.504.888	2.321.504.888
Cộng	47.739.081.921	-	-	3.187.130.441	50.926.212.362

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	24.108.470.150	-	-	-	24.108.470.150
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.791.680.526	-	-	-	2.791.680.526
Phải thu khách hàng	11.589.560.015	-	-	524.881.662	12.114.441.677
Các khoản phải thu khác	856.899.492	-	-	-	856.899.492
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	2.667.036.046	2.667.036.046
Cộng	39.346.610.183	-	-	3.191.917.708	42.538.527.891

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	13.504.700.365	-	-	13.504.700.365
Các khoản phải trả khác	14.452.500.288	305.460.000	-	14.757.960.288
Cộng	27.957.200.653	305.460.000	-	28.262.660.653

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số đầu năm				
Phải trả người bán	17.083.041.393	-	-	17.083.041.393
Các khoản phải trả khác	11.706.107.052	461.910.000	-	12.168.017.052
Cộng	28.789.148.445	461.910.000		29.251.058.445

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.852,99	101,41	127.098,96	100,46
Phải thu khách hàng	472.690,75	-	119.229,30	-
Phải trả người bán	(176.596,95)	(183,00)	(260.465,14)	(348,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	385.946,79	(81,59)	(14.136,88)	(247,54)

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản/(nợ phải trả) thuần gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Rủi ro về giá chứng khoán**

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.781.070.186	-	24.108.470.150	-	14.781.070.186	24.108.470.150
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.260.000.000	-	2.791.680.526	-	12.260.000.000	2.791.680.526
Phải thu khách hàng	20.680.996.680	(642.289.554)	12.114.441.677	(387.956.877)	20.038.707.126	11.726.484.800
Các khoản phải thu khác	882.640.608	-	856.899.492	-	882.640.608	856.899.492
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.321.504.888	(1.743.376.455)	2.667.036.046	(1.763.874.046)	578.128.433	903.162.000
Cộng	50.926.212.362	(2.385.666.009)	42.538.527.891	(2.151.830.923)	48.540.546.353	40.386.696.968

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	13.504.700.365	17.083.041.393	13.504.700.365	17.083.041.393
Các khoản phải trả khác	14.757.960.288	12.168.017.052	14.757.960.288	12.168.017.052
Cộng	28.262.660.653	29.251.058.445	28.262.660.653	29.251.058.445

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

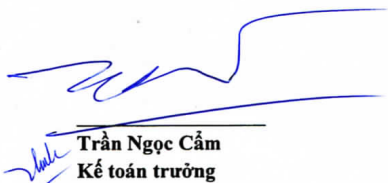
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phân ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2014


Trần Ngọc Cẩm
Kế toán trưởng


Lý Nguyễn Lan Phương
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.630.390.000	24.544.846.942	5.038.013.146	4.467.257.113	16.832.820.534	131.513.327.735
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	11.081.777.291	11.081.777.291
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	848.285.817	530.178.635	(2.014.678.815)	(636.214.363)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(8.063.039.000)	(8.063.039.000)
Số dư cuối năm trước	80.630.390.000	24.544.846.942	5.886.298.963	4.997.435.748	17.836.880.010	133.895.851.663
Số dư đầu năm nay	80.630.390.000	24.544.846.942	5.886.298.963	4.997.435.748	17.836.880.010	133.895.851.663
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.716.069.914	10.716.069.914
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	221.635.545	554.088.865	(1.329.813.275)	(554.088.865)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(5.644.127.300)	(5.644.127.300)
Số dư cuối năm nay	80.630.390.000	24.544.846.942	6.107.934.508	5.551.524.613	21.579.009.349	138.413.705.412

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2014




Trần Ngọc Cẩm
Kế toán trưởng


Lý Nguyễn Lan Phương
Tổng Giám đốc

